

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa hữu cơ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đào Thị Nhung

2. Ngày tháng năm sinh: 12/03/1983; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tổ 17, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Hoá học, Trường Đại học khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Điện thoại di động: 0948119043; E-mail: daothinhungtn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 5 năm 2009 đến tháng 12 năm 2017: Nghiên cứu viên, Khoa Hoá học, Trường Đại học khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Từ tháng 12 năm 2017 đến nay: Nghiên cứu viên chính, Khoa Hoá học, Trường Đại học khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hoá học, Trường Đại học khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024. 3825 3503

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2005; số văn bằng: QC 033728; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Hóa Hữu cơ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 10 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: QM 007506; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Hóa Hữu cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 12 năm 2014; số văn bằng: QT 000955; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Hóa hữu cơ; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

- Thực tập sinh tại Trường Đại học Rennes 1, Cộng hòa Pháp (Từ tháng 9/2011 đến tháng 3/2012).

- Nghiên cứu sau Tiến sĩ tại Trường Đại học Osaka Prefecture, Nhật Bản (Từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013).

- Nghiên cứu sau Tiến sĩ tại Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Nga (Từ tháng 09 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016).

- Tham gia khoá đào tạo “Hỗ trợ thương mại hoá kết quả nghiên cứu” tại Viện Hàn lâm kỹ thuật Hoàng gia Anh, Vương Quốc Anh (Từ ngày 3 tháng 12 năm 2017 đến ngày 16 tháng 12 năm 2017).

- Tham gia khoá đào tạo nâng cao về các kỹ thuật phân tích tại Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản (Từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 2 năm 2019).

- Trao đổi nghiên cứu sau Tiến sĩ tại Đại học Kyoto, Nhật Bản (Từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 12 năm 2019).

- Tham gia trao đổi học thuật theo chương trình Erasmus+ tại Đại học Valladolid, Tây Ban Nha (Từ ngày 9 tháng 03 năm 2024 đến ngày 16 tháng 03 năm 2024).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Hóa học và Công nghệ Thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Tổng hợp và chuyển hoá các dẫn xuất 5-isothioxianatoaryl-1,3,4-oxadiazol-2-thiol thành các hợp chất hữu cơ có các dị vòng chứa oxi, nitơ, lưu huỳnh có khả năng có hoạt tính sinh học.

Các công trình liên quan đến hướng nghiên cứu: Chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở, 05 bài báo trên tạp chí quốc gia (03 bài tác giả chính) ([1]-[5]), 02 bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín ([11], [27]).

(2) Nghiên cứu tổng hợp, chuyển hoá hoá học và khảo sát hoạt tính sinh học của các dẫn xuất crown ether.

- Các công trình liên quan đến hướng nghiên cứu: Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội; Chủ nhiệm 01 đề tài NAFOSTED; Thành viên 05 đề tài cấp bộ; Ứng viên đã công bố 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín (05 bài tác giả chính), 14 bài báo khoa học trong nước (05 bài tác giả chính), 02 báo cáo hội nghị quốc tế (tác giả chính); 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích (tác giả chính); 03 đơn đăng ký sáng chế (đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **03** đề tài cấp Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, **01** đề tài cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội (tương đương cấp Bộ); **01** đề tài NAFOSTED.

- Đã công bố (số lượng) **58** bài báo/báo cáo khoa học, trong đó **26** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.

- Đã được cấp (số lượng) **01** bằng độc quyền giải pháp hữu ích;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN về Đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023 theo quyết định số 231/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2024.

- Giải thưởng về đổi mới sáng tạo năm 2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng thế giới trao tặng.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên tự đánh giá đủ tiêu chuẩn nhà giáo.

Ứng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, luôn tuân thủ pháp luật và các nội quy, quy định của cơ quan cũng như nơi cư trú; Ứng viên thường xuyên tham gia nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ ở trong và ngoài nước; Ứng viên tích cực

tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về đổi mới giáo dục, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ... để đáp ứng được yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của Nhà trường, của ĐHQGHN và ngành Giáo dục.

Trong công tác giảng dạy, ứng viên có khả năng xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức hoạt động học tập hiệu quả, biết ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực tự học của người học. Ứng viên giao tiếp chuẩn mực, thân thiện với sinh viên, phụ huynh và đồng nghiệp. Ứng viên đã đảm nhiệm và hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo được giao, đã trực tiếp tham gia giảng dạy các môn học ở bậc đại học gồm: Hoá học đại cương, Thực tập Hóa học đại cương, Thực tập các phương pháp phân tích công cụ (thực hành trên các thiết bị sắc ký như GC-MS, GC-FID, HPLC, LC-MS/MS), thực tập Hoá hữu cơ. Ứng viên luôn nhiệt tình truyền đạt kiến thức cho sinh viên trong quá trình giảng dạy, hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh, kết nối hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

Về công tác nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn chú trọng, nâng cao khả năng chuyên môn của bản thân. Ứng viên đã nhận được học bổng 322 và làm thực tập sinh 06 tháng tại Khoa Hoá dược, Trường Đại học Rennes 1, Cộng Hoà Pháp. Trong thời gian đó, ứng viên đã được tiếp cận các phương pháp tổng hợp hoá dược, tổng hợp toàn phần, vận hành thiết bị NMR. Ứng viên đã chủ nhiệm và hoàn thành tốt, đúng hạn 03 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài QG cấp ĐHQG Hà Nội, 01 đề tài NAFOSTED, là thư ký và thành viên nghiên cứu chủ chốt của nhiều đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Ngoài ra, ứng viên còn phụ trách và vận hành các thiết bị sắc ký gồm GC-MS, GC-FID, HPLC, LC/MS/MS. Đây là các thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của bản thân ứng viên và các đồng nghiệp trong và ngoài đơn vị. Các kết quả nghiên cứu đã được ứng viên công bố trong **58** bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, **01** bằng độc quyền giải pháp hữu ích và nhiều đơn đăng ký sáng chế khác đang trong quá trình thẩm định nội dung. Ứng viên còn tích cực tham gia các khoá nghiên cứu, trao đổi học thuật ngắn hạn tại nhiều phòng thí nghiệm của các trường Đại học nổi tiếng trên thế giới để nâng cao năng lực chuyên môn. Ứng viên luôn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các giáo sư, chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước để được học hỏi, cập nhật kiến thức. Ngoài ra, ứng viên còn tham gia các khoá đào tạo trong và ngoài nước về việc đưa các kết quả nghiên cứu ra thị trường, tăng cường khả năng áp dụng khoa học – công nghệ vào thực tiễn thông qua các sản phẩm ứng dụng có giá trị thương mại. Với thành tích trong nghiên cứu và giảng dạy, tháng 12/2017, ứng viên đã được đặc cách thăng hạng lên nghiên cứu viên chính.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 13 năm 4 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	1	02	195	0	195/252/135
2	2020-2021	0	0	0	02	195	0	195/233/114,75
3	2021-2022	0	0	0	03	209	0	209/288/114,75
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	04	231	0	231/303,5/93,5
5	2023-2024	0	0	0	01	144	0	144/162,5/110
6	2024-2025	0	0	0	0	114	0	114/130,8/55(**)

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(**): Nghỉ chế độ thai sản

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

☐

☐

☐

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải:

Ứng viên đã đáp ứng được yêu cầu ngoại ngữ và nhận được học bổng thực tập sinh 6 tháng tại Khoa Hoá dược, Trường Đại học Rennes 1, Cộng Hoà Pháp theo chương trình 322 của Bộ GD &ĐT. Ngoài ra, ứng viên cũng có thời gian trao đổi nghiên cứu tại trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Nga theo chương trình hỗ trợ nhà khoa học nâng cao năng lực nghiên cứu của Quỹ NAFOSTED; Tại Trường Đại học Osaka Prefecture, Nhật Bản theo dự án JICA; Tại Trường Đại học Tokyo (02 tuần); Tại Trường Đại học Kyoto theo chương trình nhà nghiên cứu tài năng do Nhật Bản tài trợ; Tại Viện Hàn Lâm Hoàng Gia Anh do Chính phủ Anh tài trợ; Tại Đại học Valladolid, Tây Ban Nha theo chương trình Erasmus+.

Ứng viên có khả năng dùng tiếng Anh để giao tiếp, trao đổi học thuật, chuyên môn và viết các bài báo khoa học, dự án trong nước và quốc tế. Ứng viên là tác giả và đồng tác giả của **26** bài báo quốc tế uy tín, trong đó là tác giả chính của **06** bài.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL ITP 507.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Thuỳ Dương		x	x		2016-2018	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	02/8/2018 (CB)
2	Đỗ Thị Thanh		x	x		2017-2019	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	12/08/2019 (CB)
3	Đỗ Thị Minh Hằng		x		x	2018-2020	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	21/08/2020 (QĐ) 21/12/2020 (CB)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

1							
---	--	--	--	--	--	--	--

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS (03 đề tài)				
1.	Điều chế và tính chất của 5-(4-isothioxianato-2-bromphenyl)-1,3,4-oxadiazol-2-thiol	CN	TN-09-15 Cấp cơ sở/Trường Đại học KHTN	01/2009-12/2009	12/2009 Tốt
2.	Tổng hợp và tính chất của 5-(4- isothioxianato phenyl)-1,3,4-oxadiazol-2-thiol	CN	TN-10-21 Cấp cơ sở/Trường Đại học KHTN	06/2010-06/2011	6/2011 Tốt
3.	Tổng hợp và chuyển hóa của 4-isothioxianato-2-(5-mercapto-1,3,4-oxadiazol-2-yl)phenol	CN	TN-12-17 Cấp cơ sở/Trường Đại học KHTN	03/2012-03/2013	03/2013 Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
4.	Tổng hợp, nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính gây độc tế bào của các dẫn xuất (bis-naphthalyl) azacrown ether	CN	QG.18.07 Cấp Đại học Quốc Gia Hà Nội	01/2018-12/2019	02/2020 Tốt
5.	Ứng dụng phản ứng Domino ghép đôi liên kết C-C và C-N trong tổng hợp các cấu trúc	CN	104.01-2019.320 Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc Gia	2020-2023	3/2023 Đạt

	đị vòng có hoạt tính sinh học		(NAFOSTED)		
--	-------------------------------	--	------------	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS (06 bài đăng trên tạp chí trong nước, trong đó 03 bài là tác giả chính)							
1.	Điều chế và tính chất của 5-[(4-acetamido-2-hydroxy)phenyl]-1,3,4-oxadiazol-2-thiol	4	Không	Hội nghị Khoa học và Công nghệ Hoá học Hữu cơ toàn quốc lần thứ IV		0	12-17	2007
2.	Điều chế và tính chất của 5-(5-axetamido-2-hidroxyphenyl)-1,3,4-oxadiazol-2-thiol	3	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, chuyên san KHTN & CN; ISSN: 2615-9317; E- ISSN: 2588-1140		0	24(1), 1-8	2008
3.	Tổng hợp và tính chất của 5-(4-isothioxianato-phenyl) -1,3,4-oxadiazol-2 thiol	2	Có	Tạp chí Hóa học; ISSN: 0866-7144		0	48 (4B), 46-51	2010
4.	Góp phần tổng hợp 5-isothioxianat-2-(5-mercapto-1,3,4-oxadiazol-2-yl) phenol và một vài dẫn xuất của chúng	2	Có	Tạp chí Hóa học; ISSN: 0866-7144		0	48 (4B), 52-56	2010
5.	Điều chế và tính chất của 5-(4-isothioxianato-2-	2	Có	Tạp chí Hóa học; ISSN: 0866-7144		0	50 (1), 19-24	2012

	bromphenyl)- 1,3,4-oxadiazol-2- thiol							
6.	Tổng hợp hệ dị vòng (Dibenzo - perhydrodiazino) - aza-14-crown-ete	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708x		0	50 (3D), 795- 800	2012
II	Sau khi được công nhận TS							
	<i>Bài báo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus (26 bài, trong đó 06 bài là Tác giả chính)</i>							
7.	Synthesis and biological activity of (γ-arylpyridino) dibenzoaza-14- crown-4 ethers	7	Không	Mendelev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X https://doi.org/10.1016/j.mencom.2015.05.023	SCIE/Q2 (IF=1,53)	13	25(3), 224– 225	2015
8.	Distribution, accumulation profile, and risk assessment of polybrominated diphenyl ethers in sediment from lake and river systems in Hanoi Metropolitan Area, Vietnam	14	Không	Environmental Science and Pollution Research; ISSN/E- ISSN: 0944-1344/ 1614-7499. DOI: 10.1007/s11356- 015-5235-	ISI, Q1 (IF =2,84)	9	25, 7170- 7179	2015
9.	Distribution and depth profiles of Polychlorinated dibenzo-p-dioxins, polychlorinated dibenzofurans, and polychlorinated biphenyls in sediment collected from offshore waters of Central Vietnam	11	Không	Marine Pollution Bulletin; ISSN: 0025- 326X. https://doi.org/10.1016/j.marpolbu.2016.03.013	ISI/Q1 (IF= 3,31)	13	106 (1-2), 341– 346	2016
10.	Synthesis of chromenoimidazo carboline by a reaction of quaternary	6	Không	Chemistry of Heterocyclic Compounds; ISSN: 00093122, 15738353.	SCIE/Q3 (IF =1,17)	10	53(5), 501– 503	2017

	iminium salts with <i>o</i> -hydroxy- benzaldehydes			https://doi.org/10.1007/s10593-017-2083-z				
11.	Novel Podands Containing N- Arylthiosemi- carbazine Moiety	10	Không	Macroheterocycles ISSN: 19989539. DOI: 10.6060/mhc170 2891	SCIE/Q3 (IF=1,08)	3	10(2) 243- 246	2017
12.	Synthesis and Cytotoxicity of Dibenzo[(γ - aryl)pyridino] aza- 17-crown-5 Ethers	10	Không	Macroheterocycles ISSN: 19989539 DOI:10.6060/mh c170406a	SCIE/Q3 (IF=1,04)	0	11(2) 197- 202	2018
13.	One-pot synthesis of (1 <i>RS</i> , 21 <i>SR</i>)- diethyl 2-[23- amino-22- ethoxycarbonyl- 8,11,14-trioxa-25- azatetracyclo [19.3.1.0 ^{2,7} .0 ^{15,20}] pentacosa - 2,4,6,15(20), 16,18,22-heptaen- 25-yl]but-2-endoate	6	Không	Acta Crystallogr E: Crystallogr Commun; ISSN: 2056- 9890. https://doi.org/10.1107/S205698901801160X	ESCI/Q3 (IF=0,45)	0	E74: 1281- 1284	2018
14.	Unexpected formation of dinaphthoaza-17- crown-5 ether containing γ - aminopiperidine subunit		Không	Mendeleeev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X https://doi.org/10.1016/j.mencom.2019.11.033	SCIE/Q2 (IF=1,86)	1	29, 698- 699	2019
15.	Characterization of PCDD/Fs and dioxin-like PCBs in flue gas from thermal industrial processes in Vietnam: A comprehensive investigation on emission profiles and levels	6	Không	Chemosphere; ISSN: 1879 1298. doi: 10.1016/j.chemo sphere.2019.03.0 24.	ISI/Q1 (IF= 6,13)	48	225, 238- 246	2019
16.	Residue concentrations and	6	Không	Environmental Science and	ISI, Q1 (IF= 3,19)	21	26(17) 17719	2019

	profiles of PCDD/Fs in ash samples from multiple thermal industrial processes in Vietnam: Formation, emission levels, and risk assessment			Pollution Research; E- ISSN: 1614-7499. https://doi.org/10.1007/s11356-019-05015-2			- 17730	
17.	Synthesis and cytotoxicity of novel piperidone-containing dibenzo-1,7-diaza-14-crown-4 ethers	11	Không	Mendeleev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X. https://doi.org/10.1016/j.mencom.2019.07.004	SCIE/Q2 (IF=1,86)	2	29, 375– 377	2019
18.	Synthesis and bioactivity of novel (γ-piperidono)-dibenzo-33-aza-14-crown-3 ethers	11	Có	Chemistry of Heterocyclic Compounds; ISSN: 00093122, 15738353. https://doi.org/10.1007/s10593-019-02512-7	SCIE/Q3 (IF =1,54)	3	55(7), 654– 659	2019
19.	Accelerated remediation of organochlorine pesticide contaminated soils with phyto-Fenton approach: a field study	11	Không	Environmental Geochemistry and Health; E-ISSN: 1573-2983, P-ISSN: 0269-4042. https://doi.org/10.1007/s10653-020-00588-1	ISI/Q1 (IF= 3,75)	14	42, 3597– 3608	2020
20.	Synthesis of Dithiacrown Ethers and Evaluation of Their Cytotoxic Activity	6	Có	ChemistrySelect; Online ISSN: 2365-6549 Print ISSN: 2365-6549. https://doi.org/10.1002/slct.202102963	SCIE/Q2 (IF=2,20)	1	6, 11081 – 11085	2021
21.	Phyto-Fenton remediation of a dichloro diphenyl trichloroethane	10	Không	Scientific Reports; ISSN: 2045-2322.	SCIE/Q1 (IF =4,44)	5	12, 16460	2022

	contaminated site in Ha Tinh Province, Vietnam			https://doi.org/10.1038/s41598-022-20687-6				
22.	Synthesis and Biological Evaluation of Azacrownophanes Containing Tetrahydropyridine or Piperidone Subunits	4	Có	ChemistrySelect; Online ISSN: 2365-6549, Print ISSN: 2365-6549. https://doi.org/10.1002/slct.202204392	SCIE/Q2 (IF=2,23)	0	7 (48), e2022 04392	2022
23.	Unexpected hydrazine- and hydroxylamine-induced transformations of aza-14-crown-4 incorporating 4-oxopiperidine -3-carboxylate moiety	6	Không	Mendeleev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X. https://doi.org/10.1016/j.mencom.2023.09.037	SCIE/Q3 (IF=1,83)	1	33: 708-710	2023
24.	Synthesis and acylation of novel azacrownophanes containing fused piperidin-4-one subunit	6	Không	Macroheterocycles ISSN: 19989539. DOI:10.6060/mh c224792a	SCIE/Q4 (IF=1,07)	0	16(1): 71-76	2023
25.	Molecular structure and ultrasound-assisted synthesis of the diazacrown derivative containing 2,3,4,6-tetraaryl- γ piperidone	6	Có	Mendeleev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X https://doi.org/10.1016/j.mencom.2023.09.038	SCIE/Q3 (IF=1,83)	0	33(5), 711-713	2023
26.	Synthesis, α -Glucosidase Inhibitory Activity, and Molecular Docking Studies of Tri(benzo)-5-aza-crownophanes with a γ -Piperidone Moiety	8	Có	ChemistrySelect, Online ISSN: 2365-6549, Print ISSN: 2365-6549. https://doi.org/10.1002/slct.202300860	SCIE/Q3 (IF =1,91)	1	8, e2023 00860	2023
27.	Synthesis of novel	4	Có	Pharmaceutical	SCIE/Q4	0	57	2023

	3-substituted- 2-thioxo-2,3-dihydroquinazolin-4(1H)-one derivatives via the cascade reaction and investigation of their in situ antimicrobial activity on <i>Candida albicans</i>			Chemistry Journal (Khimiko-Farmatsevticheskii Zhurnal); ISSN: 0091-150X E-ISSN: 1573-9031 https://doi.org/10.1007/s11094-023-03003-y	(IF =0,79)		(9): 1401-1409	
28.	New pyridine dithiaazacrown ether derivatives: synthesis, structural characterization, in silico and in vitro biological studies	8	Không	Mendeleev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X https://doi.org/10.1016/j.mencom.2024.06.014	SCIE/Q3 (IF=1,83)	0	34, 514–517	2024
29.	Trithiazacrown Ethers Containing Piperidine Heterocycle: Synthesis, Structural Characterization and Evaluation Of α -Glucosidase Inhibitory Activity	8	Không	ChemistrySelect; Online ISSN: 2365-6549, Print ISSN: 2365-6549 https://doi.org/10.1002/slct.202303741	SCIE/Q3 (IF =1,91)	0	9, e2023 03741	2024
30.	Three New Strategies to the Synthesis of Structurally Diverse Dipyrrolobenzodiazepines. Bioactivity Evaluation	13	Không	Asian Journal of Organic Chemistry; Online ISSN: 2193-5815, Print ISSN: 2193-5807 https://doi.org/10.1002/ajoc.20250018	SCIE/Q2 (IF =2,72)	0	e2025 00018	2025
31.	Novel zerumbone-secondary amide hybrids: ultrasonic synthesis, cytotoxic evaluation,	9	Không	RSC Advances; ISSN: 2046-2069 https://doi.org/10.1039/D5RA01215E	SCIE/Q1 (IF=3,9)	0	15, 8986–8998	2025

	molecular docking and in silico ADMET studies							
32.	Trithiacrown ethers incorporating tetrahydropyridine subunit: synthesis, in vitro and in silico studies of inhibitory activity against α -glucosidase	6	Không	Mendeleev Communications; ISSN: 09599436, 1364551X. https://doi.org/10.71267/mencom.7679	SCIE/Q3 (IF=1,83)	0	35, 447-449	2025
Bài báo xuất bản trên tạp chí Quốc gia								
33.	Tổng hợp và hoạt tính gây độc tế bào của một số dẫn xuất γ -(3-R-phenyl)pyridine có chứa vòng crown ether	5	Không	Tạp chí Hóa học; ISSN 0866-7144		0	53 (4E1), 141-144	2015
34.	Tổng hợp tetrekisbenzo-28(31)-crown-6(7)-ete		Không	Tạp chí Hóa học; ISSN 0866-7144		0	53 (4E2), 153-155	2015
35.	Nghiên cứu tổng hợp bằng phương pháp chiếu xạ vi sóng và hoạt tính độc tế bào của một số dẫn xuất dibenzo(pehydro-triazino)aza-14-crao-4-ete	6	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN 0866-708x. DOI: 10.15625/0866-708X/53/5/4424		0	53(5), 598-605	2015
36.	Sự tổng hợp và đặc điểm cấu tạo phân tử của N-Metyl và NH-pehyro-triazinoaza-14-crao-4-ete	5	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ISSN: 2615-9317 E- ISSN: 2588-1140		0	31(1), 17-22	2015
37.	Nghiên cứu tổng hợp dẫn xuất Pyridino-	9	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san		0	33 (4), 106-112	2017

	crownophane			Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ISSN: 2615-9317 e- ISSN: 2588-1140				
38.	Synthesis of 4-hydroxy-1-methyl-4-(2-furyl)-3-(2-furylhydroxy methyl) piperidine and Transformation into perhydro[1,3,2] dioxaborinino [5,4-c]pyridine	7	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Chuyên san Khoa học Tự nhiên và Công nghệ; ISSN: 2615-9317 e- ISSN: 2588-1140		0	33 (3), 98-104	2017
39.	Effect of chitosan coating on quality of lychee during storage	5	Có	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		2	56 (6E1) 292-296	2018
40.	Nghiên cứu chuyển hóa 2,6-di(2-hydroxy phenyl)-3,5-diphenyl piperidin-4-one	7	Không	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		0	56 (3E12) 208-212	2018
41.	Microwave irradiation assisted the synthesis of β -carbolinium and hexacyclic compounds	5	Có	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		0	56 (3E12) 382-386	2018
42.	Đánh giá mức độ phát thải của các chất Polyclodibenzo-p-Dioxins (PCDDs) và Polyclo-dibenzofurans (PCDFs) phát sinh không chủ định từ một số ngành công nghiệp ở miền bắc Việt Nam	8	Có	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		0	56 (3E12) 109-112	2018
43.	Đánh giá mức độ phát thải và đặc		Không	Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh		0	23 (4), 332-	2018

	trung đồng loại của các chất polyclo biphenyl tương tự dioxin (DL-PCBs) trong khí thải của một số cơ sở công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam			học; ISSN: 0868 - 3224			337	
44.	Nghiên cứu chuyển hoá perhyrotriazinothio -azacrown ete dưới tác dụng của dimethylaxetylen dicacboxylat	7	Không	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		0	57 (4e3,4) 180- 183	2019
45.	Ultrasonic irradiation assisted the preparation of γ -Piperidone azacrowns and its oxime	7	Có	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		1	57 (4e3,4) 392- 396	2019
46.	Synthesis of new podands served as starting materials for the preparation of azacrown ether	7	Có	Tạp chí Hoá học; ISSN: 0866-7144		0	57 (4e3,4) 379- 383	2019
47.	Ứng dụng chiếu xạ vi sóng trong điều chế hợp chất bis-benzo-(γ -thienyl pyridino) dibenzoaza-17-crown-5-ether	5	Không	Tạp chí phân tích Hoá Lý sinh; ISSN: 0868 - 3224		0	26, số đặc biệt, 170- 174	2021
48.	Domino reaction of podand derivatives and alkyl acetoacetate	6	Có	Tạp chí phân tích Hoá, Lý và Sinh học; ISSN: 0868 - 3224		0	26, số đặc biệt, 224- 228	2021
49.	Synthesis and Structural Characterization of some 3-oxapentane Podand Derivatives	9	Không	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology; ISSN: 2615-9317; E- ISSN: 2588-1140 Doi:		0	39(1), 100- 107	2023

				10.25073/2588-1140/vnunst.5435				
50.	Determination of phosphorus additives in instant noodle samples by Phosphorus-31 nuclear magnetic resonance (³¹ P-NMR)	4	Không	Vietnam journal of Science, Technology and Engineering, Ministry of Science and Technology Vietnam; P- ISSN: 2525-2461; E-ISSN: 2615 9937; DOI: 10.31276/VJSTE.2023.0072		0	3(66), 39-45	2024
51.	Molecular docking and pharmaceutical studies of chromenoimidazo-carboline derivatives as VEGFR-2 Kinase Inhibitors	2	Có	Tạp chí Hoá học và ứng dụng; ISSN: 1859-4069		0	3B (70B), 58-65	2024
52.	Evaluating potential inhibitors of HEP-G2 from 14 new hydroxamate derivatives of lupane triterpenoids using molecular docking simulation and admet properties	4	Có	Tạp chí Hoá học và ứng dụng; ISSN: 1859-4069		0	3B (70B), 89-93	2024
53.	Điều chế vật liệu màng sinh học trên cơ sở chitosan ứng dụng trong bảo quản rau quả sau thu hoạch	3	Có	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia TP.HCM; ISSN: 1859-0128		0	7(S1), 26-33	2024
Báo cáo xuất bản trên hội nghị quốc tế								
54.	Application of phyto-fenton	6	Không	7 th European Bioremediation			279	2018

	process to POPs-contaminated soil			Conference & 11th ISEB Conference, International Society for Environmental Biogeochemistry https://researchmap.jp/read0169963/presentations/84889 ; ISBN: 978-618-81537-6-9				
55.	Ultrasonic sound assisted the synthesis of crown ether compounds containing tetrahydropyridine or piperidone rings	4	Có	International scientific conference “Catalysis for a Sustainable World, December 12-15, 2023, RUDN University, Moscow, Russia; ISBN 978-5-209-10645-6			50-51	2023
56.	Synthesis, structural characterization, in silico and in vitro biological studies of Dithiaazacrown ether derivatives	5	Có	International scientific conference “Catalysis for a Sustainable World, December 12-15, 2023, RUDN University, Moscow, Russia; ISBN 978-5-209-10645-6			195-198	2023
Bài báo khoa học trên các hội thảo Quốc gia								
57.	Nghiên cứu ảnh hưởng của khối lượng phân tử chitosan đến khả năng bảo quản dưa chuột sau thu hoạch	3	Có	Hội thảo khoa học Cán bộ trẻ các Trường Đại học Sư phạm toàn quốc lần thứ IX, năm, nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên; ISBN 978-604-			636-645	2022

				350-082-0				
58.	Molecular docking studies, admet properties of some ester derivatives of betulin with AZT, D4T, and 3TC	4	Có	Hội thảo khoa học quốc gia "Hóa học và Kỹ thuật hóa học vì sự phát triển bền vững - Chemistry and Chemical Engineering for Sustainable Development (CCESD 2025)" lần thứ II, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.			145-146	2025

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: Là 6 bài ([18], [20], [22], [25], [26], [27]).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Các bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích sau TS:

TT	Tên bằng độc quyền giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Dẫn xuất 4-amino-1,2,5,6-tetrahydropyridin-3-cacboxylat	Cục sở hữu trí tuệ	27/02/2025	Tác giả chính	2

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 1.....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
3					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Tất cả các tiêu chuẩn đều đáp ứng đủ điều kiện để đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Đào Thị Nhung